

**CÔNG TY TNHH ĐẠO THUẬN OSAKA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠO THUẬN OSAKA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAO THUAN OSAKA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAO THUAN OSAKA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301258045

**3. Ngày thành lập:** 15/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0915582022

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620     |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                  | 4662     |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663     |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690     |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599        |
| 25. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610        |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4799        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 31. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                      | 5590        |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 33. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 34. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 36. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121        |
| 37. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 38. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311        |
| 39. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 40. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 41. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319        |
| 42. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 44. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 45. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 46. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 47. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 48. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 49. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 50. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321(Chính) |
| 51. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 52. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 53. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 54. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐẠO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/09/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027076003872

Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐẠO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/09/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027076003872

Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh